

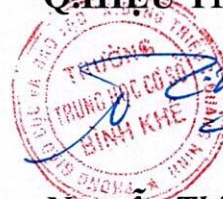
THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông - Năm học 2018-2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	526	167	121	117	121
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	485 92.2%	156 93.4%	113 93.3%	108 92.3%	108 98.2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	39 7.41%	10 5.98%	8 6.7%	8 6.83%	13 1.8%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.39%	1 0.62%	0	1 0.87%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	526	167	121	117	121
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	97 18,1%	32 19,16%	21 16.8%	19 16.1%	25 19.84
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	261 48,69%	81 48.5%	60 48%	57 48.31%	63 50%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	162 30,22%	52 31.14%	38 30.4%	39 33.05%	33 26.19%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1,12%	2 1.2%	2 1.6%	2 1.69%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	526	167	121	117	121
1	Lên lớp (sau thi lại) (tỷ lệ so với tổng số)	526 100%	167 100%	121 100%	117 100%	121 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	97 18,1%	32 19,16%	21 16.8%	19 16.1%	25 19.84
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	261 48,69%	81 48.5%	60 48%	57 48.31%	63 50%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	06 1.14%	02 1.1%	02 1.6%	02 1.7%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đến: 2 Đi: 1	Đến: 1 Đi: 0	Đến: 0 Đi: 0	Đến: 1 Đi: 1	Đến: 0 Đi: 0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp thị xã					18
2	Cấp tỉnh/thành phố					4

3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế		0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp		0	0	0	121
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp		0	0	0	121
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	25 19.84
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	63 50%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	33 26.19%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	262 nữ	85 nữ	56 nữ	60 nữ	61 nữ
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	86	23	16	24	23

Bình Khê, ngày 02 tháng 9 năm 2019

Q. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh